TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 84/2019/DS-ST
Ngày: 21/11/2019
V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn L1.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Đ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Chánh Nh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện M.

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Lxét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông Thường vụ án thụ lý số 167/2019/TLST - DS ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Võ Thành Th, sinh năm 1976; Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Th, huyện Th, tỉnh L.

2. Bà Võ Thị Trâm A, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp Nguyễn Sơn, xã Nhơn Hòa L, huyện Tân Th, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th và bà Trâm Anh: Ông Võ Thành Ch, sinh năm 1956; địa chỉ: Ấp Nguyễn Sơn, xã Nhơn Hòa L, huyện Tân Th, tỉnh L. (Văn bản ủy quyền ngày 01/8/2019).

Bị đơn:

1. Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1977;

2. Bà Phan Thị Xuân Th, sinh năm 1983;

3. Bà Phan Thị Á, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã Bình Hòa Đ, huyện M, tỉnh L.

Ông Ch có mặt; ông T, bà Th và bà Á vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thành Th và bà Võ Thị Trâm A : Ông Võ Thành Th và bà Võ Thị Trâm A yêu cầu ông Đỗ Văn T, bà Phan Thị Xuân Th và bà Phan Thị Á phải liên đới trả cho ông Th và bà A số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 89.000.000 đồng. Về tiền lãi yêu cầu tính theo lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính lãi là 24 tháng nhưng đồng ý chỉ lấy số tiền lãi là 6.435.000 đồng; yêu cầu phải trả một lần.

Đề nghị của ông Đỗ Văn T, bà Phan Thị Xuân Th và bà Phan Thị Á: Ông Đỗ Văn T, bà Phan Thị Xuân Th và bà Phan Thị Á vắng mặt, không có ý kiến.

Các tài liệu, chứng cứ do ông Võ Thành Th và bà Võ Thị Trâm A cung cấp: Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản photto), bản cam kết ngày 26/02/2019 (bản photto), bản cam kết ngày 20/7/2018 (bản photto).

Các tài liệu, chứng cứ do ông Đỗ Văn T, bà Phan Thị Xuân Th và bà Phan Thị Á cung cấp: Không.

Các tình tiết của vụ án:

Các tình tiết ông Võ Thành Ch trình bày: Vào ngày 26/11/2017 ông T và bà Th có đến đại lý phân thuốc Hai Hiếu 2 mua phân thuốc nhiều lần, còn thiếu lại số tiền 99.000.000 đồng đến nay không Trả, mặc dù đại lý đã nhắc nhở nhiều lần. Khi mua bán thì bà Á là người bảo lãnh nợ cho ông T và bà Th. Sau khi ông Th và bà A khởi kiện thì ông T và bà Th trả được 10.000.000đ nên ông Th và bà Trâm Anh khởi kiện yêu cầu ông T và bà Th liên đới cùng bà Á trả cho ông Th và bà Trâm Anh 89.000.000 đồng tiền mua phân thuốc. Tiền lãi chỉ lấy số tiền 6.435.000 đồng. Ông Ch yêu cầu không công khai bản án lên cổng thông tin điện tử Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là "Hợp đồng mua bán tài sản" được quy định tại Bộ luật dân sự. Ông Đỗ Văn T, bà Phan Thị Xuân Th và bà Phan Thị Á có địa chỉ tại xã Bình Hòa Đ, huyện M, tỉnh

Lnên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về việc giải quyết vắng mặt ông Đỗ Văn T, bà Phan Thị Xuân Th và bà Phan Thị Á: Ông Đỗ Văn T, bà Phan Thị Xuân Th và bà Phan Thị Á đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T, bà Th và bà Á.

[5]. Về yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thành Th và bà Võ Thị Trâm A đối với số nợ gốc:

Ông Võ Thành Th và bà Võ Thị Trâm A khởi kiện và cung cấp chứng cứ là bản cam kết ngày 26/02/2019, bản cam kết ngày 20/7/2018; ông Đỗ Văn T, bà Phan Thị Xuân Th và bà Phan Thị Á vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của ông Th và bà A nên Tòa án căn cứ vào lời trình bày và tài liệu, chứng cứ của ông Th và bà A cung cấp để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Theo nội dung bản cam kết ngày 26/02/2019, bản cam kết ngày 20/7/2018 thì ông Đỗ Văn T, bà Phan Thị Xuân Th có mua vật tư nông nghiệp của ông Th và bà A với tổng số tiền là 99.000.000 đồng, bà Phan Thị Á là người bảo lãnh nợ cho ông T và bà Th nên căn cứ vào Điều 92 và Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 430, Điều 440, Điều 335 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th và bà A đối với ông T, bà Th và bà Á, buộc ông Đỗ Văn T, bà Phan Thị Xuân Th có nghĩa vụ liên đới trả ông Th và bà A số tiền nợ gốc là 89.000.000 đồng. Trường hợp ông T, bà Th không Trả được thì bà Á có nghĩa vụ trả cho ông Th và bà A số tiền 89.000.000 đồng.

[6]. Về yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thành Th và bà Võ Thị Trâm A đối với số nợ lãi: Ông Võ Thành Th và bà Võ Thị Trâm A yêu cầu tính lãi theo lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính lãi là 24 tháng. Xét thấy, lãi suất này phù hợp quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận, tiền lãi được tính như sau: 89.000.000đ x 0,83%/tháng x 24 tháng =17.728.800đ. Ông Th và bà A chỉ yêu cầu tiền lãi 6.435.000 đồng là có lợi cho ông T, bà Th nên căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc ông T, bà Th có nghĩa vụ liên đới trả ông Th và bà A số tiền nợ lãi là 6.435.000 đồng. Trường hợp ông T, bà Th không Trả được thì bà Á có nghĩa vụ trả cho ông Th và bà A số tiền 6.435.000 đồng.

[7]. Về thời gian trả và cách thức trả: Ông Th và bà A yêu cầu trả một lần, ông Đỗ Văn T, bà Phan Thị Xuân Th và bà Phan Thị Á vắng mặt nên xem như các đương sự không Thỏa thuận được, vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[8]. Về án phí: Ông Đỗ Văn T, bà Phan Thị Xuân Th và bà Phan Thị Á phải liên đới chịu số tiền 4.772.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Ông Võ Thành Th và bà Võ Thị Trâm A không phải chịu án phí nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Các Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 , xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản của ông Võ Thành Th và bà Võ Thị Trâm A đối với ông Đỗ Văn T, bà Phan Thị Xuân Th và bà Phan Thị Á, buộc ông T, bà Th có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Th và bà A số tiền gốc là 89.000.000 (tám mươi chín triệu) đồng. Trường hợp ông T, bà Th không Trả được thì bà Á có nghĩa vụ trả cho ông Th và bà A số tiền 89.000.000 (tám mươi chín triệu) đồng.

Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 305, Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tiền lãi trong hợp đồng mua bán tài sản của ông Võ Thành Th và bà Võ Thị Trâm A đối với ông Đỗ Văn T, bà Phan Thị Xuân Th và bà Phan Thị Á, buộc ông T, bà Th có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Th và bà A số tiền lãi là 6.435.000 (sáu triệu bốn trăm ba mươi lăm ngàn) đồng. Trường hợp ông T, bà Th không trả được thì bà Á có nghĩa vụ trả cho ông Th và bà A số tiền 6.435.000 (sáu triệu bốn trăm ba mươi lăm ngàn) đồng.

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, về án phí: Buộc ông Đỗ Văn T, bà Phan Thị Xuân Th và bà Phan Thị Á phải liên đới chịu số tiền 4.772.000 (bốn triệu bảy trăm bảy mươi hai ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Ông Võ Thành Th và bà Võ Thị Trâm A không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông Th và bà A số tiền 2.636.000 (hai triệu sáu trăm ba mươi sáu ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002903 ngày 28 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi và trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài

sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không Thỏa thuận về việc trả lãi: Được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- CC.THADS huyện M;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh L